

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	1/ Các lớp bán trú và 2 buổi: - Học sinh đã học tiểu học tại Quận 1, có hộ khẩu ở phường Nguyễn Thái Bình (Khu phố 1, 2, 3), phường Cầu Ông Lãnh (KP2) - Học sinh đã học tiểu học tại Quận 1, có hộ khẩu (ngoài quận): Quận 3, 4, 7, 8, Thủ Đức. Huyện Nhà Bè. 2/ Các lớp TATC - Học sinh đã học tiểu học tại Quận 1 có hộ khẩu Phường NTB, COL, Cô Giang (Khu phố 5) Học sinh đã học tiểu học tại Quận 1, có hộ khẩu ở Quận 3, Quận 4, Quận 7, Quận 9, Quận 12, Thủ Đức.	Tiếp nhận chuyển trường đối với học sinh có hộ khẩu chính, KT3 tại địa bàn Phường Cầu Ông Lãnh, Nguyễn Thái Bình, học xong lớp 6,7,8		
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở GD tuân thủ	Thực hiện chương trình giáo dục THCS - 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cho học sinh, tập trung vào việc truyền thụ kiến thức, xây dựng lối sống, tạo môi trường tốt nhất cho việc sinh hoạt của học sinh. Xây dựng môi trường thân thiện. - PHHS trao đổi trực tiếp với Ban Giám hiệu, giáo viên khi có việc cần thiết. PHHS thường xuyên xem Sổ báo bài, Sổ liên lạc của con, tham gia đầy đủ các kì họp. - PHHS quan tâm và quản lý con em trong thời gian sinh hoạt tại nhà, luôn đôn đốc thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh, kết hợp cùng nhà trường giáo dục đạo đức cho học sinh. - Thái độ học tập của học sinh: Siêng năng, chuyên cần, nghiêm túc. Phát huy tính chủ động sáng tạo trong học tập. Học sinh nỗ lực: “Rèn đức, luyện tài. Không ngừng vươn lên”			

IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	1/ Về CSVC: - Nhà trường có khá đầy đủ các phòng phục vụ cho học tập như: Phòng thư viện, Phòng thiết bị, Phòng Tư vấn tâm lý, Phòng Đoàn đội, Phòng âm nhạc, 02 phòng Stem, Phòng Anh ngữ nâng cao, Phòng bồi dưỡng học sinh giỏi, Phòng thí nghiệm Hoá-Sinh, Phòng thí nghiệm Lý, 2 phòng vi tính...Có 08 bảng Actiboard phục vụ cho việc đổi mới phương pháp dạy học - Có 20 camera quan sát các hoạt động của học sinh. - Hệ thống lọc nước tinh khiết cho học sinh sử dụng. - Hệ thống PCCC đạt chuẩn 2/ Các hoạt động khác: - Học sinh được đi tham quan học tập dã ngoại ít nhất 1 lần/năm học. Học sinh được giáo dục kỹ năng sống 2 tiết./ 1 HK theo chuyên đề phù hợp với lứa tuổi và tâm lý học sinh. - Học sinh được tham gia các phong trào văn nghệ, câu lạc bộ Văn thể mỹ, rèn luyện thể chất nhằm tăng cường sức khỏe đồng thời phát triển tốt những năng khiếu của bản thân. - Tham gia các hoạt động từ thiện xã hội để hoàn thiện tư cách phẩm chất.	
V	Kết quả, năng lực, phẩm chất học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Về đạo đức: 100% đạt thực hiện đầy đủ. Biết thông cảm, chia sẻ giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn, kính trên nhường dưới. Không nói tục trong và ngoài trường. Ngoan ngoãn vâng lời cha mẹ và thầy cô. - Kết quả hạnh kiểm (Dự kiến): Tốt 90.0%; Khá 9.8 %; Trung bình 0.2% - Sức khỏe: 98.6 % học sinh có sức khỏe tốt. Giáo dục học sinh bảo vệ sức khỏe răng miệng, mắt, vệ sinh phòng chống dịch bệnh.... - Kết quả học tập (Dự kiến): Giỏi 45.0% - Khá 40.0% - Trung bình 15 % - Yếu kém 0.0%	
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	99% lên lớp thẳng*	- 100% T.nghiệp THCS - 97% vào L.10 công lập

Nơi nhận:

- PGD-ĐT Q1;
- Lưu VT.



Hồ Thị Ngọc Sương

Quận 1, ngày 05 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông
Năm học 2021-2022

TT	Nội dung	Tổng số		Chia ra theo khối lớp							
				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9	
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1138	%	239	%	332	%	289	%	278	%
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1047	92.00	208	87.03	301	90.66	270	93.43	268	96.40
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	88	7.73	29	12.13	31	9.34	18	6.23	10	3.60
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	3	0	2	0	0	0	1	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1138	%	239	%	332	%	289	%	278	%
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	504	44.29	95	39.75	147	44.28	128	44.29	134	48.20
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	401	35.24	91	38.08	117	35.24	105	36.33	88	31.65
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	199	17.49	34	14.23	61	18.37	51	17.65	53	19.06
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	33	2.90	19	7.95	7	2.11	4	1.38	3	1.08
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	1	0.09	0	0.00	0	0.00	1	0.35	0	0.00
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1138	%	239	%	332	%	289	%	278	%
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1116	98.07	229	95.82	327	98.49	285	98.62	275	98.92
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	465	40.86	57	23.85	146	43.98	128	44.29	134	48.20
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	311	27.33		0.00	118	35.54	105	36.33	88	31.65

[illegible]

IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	611/526		134/105		196/135		151/138		130/148	
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	168	14.06	35	14.66	46	15.67	51	13.79	36	11.58

Nơi nhận:

- PGD-ĐT Q1;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Hồ Thị Ngọc Sương

Quận 1, ngày 05 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông
năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	33	1.4 m ² /h.sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	33	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	6	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1 lớp/phòng	-
8	Bình quân học sinh/lớp	38 Hs	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	1732.2m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	380m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	2214m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1710m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	216m ²	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
4	Diện tích thư viện (m ²)	48m ²	
5	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	/	
6	Diện tích phòng khác (m ²)	240m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị: bộ)	120	
1	Khối lớp 6	33	
2	Khối lớp 7	26	
3	Khối lớp 8	36	
4	Khối lớp 9	25	
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/ thiết bị)	1	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị: bộ)	50	1 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Ti vi	4	
2	Cát xét	7	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	

4	Bảng thông minh	8	
5	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	
6	Thiết bị khác...	4	

	Nội dung	Số lượng
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	1

	Nội dung	Số lượng
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	22
XIII	Khu nội trú	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	
			Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn	2		3
2	Chưa đạt chuẩn			

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Nơi nhận:

- PGD-ĐT Q1;
- Lưu VT.



Hồ Thị Ngọc Sương

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
ĐỒNG KHÔI
Số:105 /TB-ĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 1, ngày 05 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	68	0	7	44	7	4	6	20	32	0	39	13	0	0
	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	49	0	4	40	5	0	0	20	29	0	36	13	0	0
1	Văn	9			9				4	5		8	1		
2	Sử	3			3				1	2		2	1		
3	Địa	2			2				1	1		1	1		
4	GDCD	1			1					1			1		
5	Anh	4			3	1			2	2		3	1		
6	Toán	8			8				2	6		3	5		
7	Tin	3			3				2	1		2	1		
8	Lý	3			3					3		3			
9	Hóa	2		1	1				1	1		1	1		
10	Sinh	4		1	2	1			3	1		4			
11	Công Nghệ	2				2			2			3			
12	Nhạc	2		1	1				1	1		1			
13	Họa	2			1	1			1	1		1	1		
14	TDTT	4		1	3					4		4			
II	Cán bộ quản lý	3	0	3	0	0	0	0	0	3	0	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1		1						1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1					2		2			
III	Nhân viên	16	0	0	4	2	4	6	0	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên văn thư - học vụ	1					1								

2	Nhân viên kế toán	1					1								
3	Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Thiết bị	1					1								
7	Bảo vệ	2				1		1							
8	Giám thị	4			2	1		1							
9	Phục vụ	4						4							
10	Phó TPT														
11	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyệt tật														
12	Nhân viên công nghệ thông tin														

Nơi nhận:

- PGD-ĐT Q1;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Thị Ngọc Sương